

PHIL
INTER PHARMA

PHIL INTER PHARMA

No 25, street No. 8, V&A, Thuan An, Binh Duong

Tel: 0650. 3767 040~ 044. Fax: 0650. 3767 039

MẪU NHÃN HỘP

Sản phẩm : Viên nang **MANBO PLUS** 60 viên

Kích thước hộp : 72 x 110 x 60 mm

Tỷ lệ : 70%

Nội dung : như mẫu

Manbo Plus

WHO-GMP

6 vỉ x 10 viên nang mềm

Manbo Plus

WHO-GMP

6 blisters x 10 soft capsules

Manbo Plus

Manbo Plus

■ Thành phần: Mỗi viên nang mềm chứa
L-Citrulline 10mg
Pyridoxine HCl 25mg
DL-α-Tocopheryl acetate 25mg
N-acetyl-L-aspartic acid 10mg
Retinyl acetate 2.500IU
Cao Vaccinium myrtillus 50mg

■ Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định:
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

■ Bảo quản:
Bảo bì kín, nơi khô mát, dưới 30°C.

■ Đóng gói:
6 vỉ x 10 viên nang mềm/hộp.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

PHIL Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA
25, đường số 8, khu công nghiệp
Việt Nam Singapore, Thuận An, Bình Dương

Manbo Plus

■ Composition: Each soft capsule contains:
L-Citrulline 10mg
Pyridoxine HCl 25mg
DL-α-Tocopheryl acetate 25mg
N-acetyl-L-aspartic acid 10mg
Retinyl acetate 2.500IU
Vaccinium myrtillus ext 50mg

■ Indications, administration,
contraindications: See insert paper.

■ Storage:
Preserve in air-tight container in dry and
cool place, below 30°C.

■ Package:
6 blisters x 10 soft capsules/box

Keep out of reach of children.
Read insert paper carefully before using.

SDK:
Số lô SX:
NSX:
HD:



PHIL
INTER PHARMA

PHIL INTER PHARMA

No 25, street No. 8, VSIP, Thuan An, Binh Duong

Tel: 0650. 3767 040~ 044. Fax: 0650. 3767 039

MẪU NHÃN HỘP

Sản phẩm : Viên nang **MANBO PLUS 100 viên**

Kích thước hộp : 110 x 110 x 60 mm

Tỷ lệ : 70%

Nội dung : như mẫu

Manbo Plus

WHO-GMP

9 vỉ x 10 viên nang mềm

Manbo Plus

WHO-GMP

9 blisters x 10 soft capsules

Manbo Plus

Manbo Plus

■ **Thành phần:** Mỗi viên nang mềm chứa:
L-Citrulline..... 10mg
Pyridoxine HCl..... 25mg
DL- α -Tocopheryl acetate..... 25mg
N-acetyl-L-aspartic acid..... 10mg
Retinyl acetate..... 2.500IU
Cao Vaccinium myrtillus..... 50mg

■ **Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

■ **Bảo quản:**
Bảo bì kín, nơi khô mát, dưới 30°C.

■ **Đóng gói:**
9 vỉ x 10 viên nang mềm/hộp.

Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

PHIL Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA
Số 25, Đường số 8, Khu công nghiệp
Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương

Manbo Plus

■ **Composition:** Each soft capsule contains:
L-Citrulline..... 10mg
Pyridoxine HCl..... 25mg
DL- α -Tocopheryl acetate..... 25mg
N-acetyl-L-aspartic acid..... 10mg
Retinyl acetate..... 2.500IU
Vaccinium myrtillus ext..... 50mg

■ **Indications, administration, contraindications:** See insert paper

■ **Storage:**
Preserve in air-tight container in dry and cool place, below 30°C.

■ **Package:**
9 blisters x 10 soft capsules/box.

Keep out of reach of children.
Read insert paper carefully before using.

SDS:
Số lô SX:
HSX:
HD:



PHIL
INTER PHARMA

PHIL INTER PHARMA

No 25, street No. 8, VSIP, Thuan An, Binh Duong

Tel: 0650. 3767 040~ 044. Fax: 0650. 3767 039

MẪU NHÃN VĨ

Sản phẩm : Viên nang **MANBO PLUS**

Kích thước vĩ : 98 x 56 mm

Tỷ lệ : 100%

Nội dung : như mẫu



Số lô SX, NSX, HD sẽ được dập nổi trên vĩ



Trần Đức Bằng

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

Để xa tầm tay trẻ em.

MANBO PLUS Soft Cap.

SĐK:...

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang mềm chứa:

Hoạt chất:

L-Citrulline	10mg
Pyridoxine HCl	25mg
DL- α -Tocopheryl acetate (Vitamin E)	25mg
N-acetyl-L-aspartic acid	10mg
Retinyl acetate (Vitamin A)	2.500IU
Cao Vaccinium myrtillus	50mg

Tá dược:

Dầu đậu nành, lecithin, dầu cọ, dầu đậu nành hydro hóa một phần, sáp ong trắng, gelatin, glycerin đậm đặc, D-sorbitol, ethyl vanillin, titan dioxyd, màu xanh dương số 1, màu đỏ số 40, methylparaben, propylparaben, nước tinh khiết.

CHỈ ĐỊNH

Hỗ trợ điều trị một số bệnh lý về mắt: cận thị, quáng gà, mỏi mắt, mờ mắt do cường độ làm việc của mắt cao (sử dụng máy tính, tivi, giai đoạn thi cử, tập trung lái xe...), suy giảm thị lực do thoái hóa võng mạc ngoại vi hoặc trung tâm, bệnh võng mạc do tiểu đường.

LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG

1 viên x 3 lần mỗi ngày.

Thời gian điều trị là 14 ngày mỗi tháng, sau đó lặp lại nếu cần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân bị quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc. Người bệnh thừa Vitamin A.

THẬN TRỌNG

Theo đúng liều lượng và cách dùng được đề nghị.

Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A.

Tránh dùng vitamin A (Retinol) với liều cao cho phụ nữ có thai vì vitamin A liều cao (≥ 10.000 IU/ngày) có khả năng gây quái thai.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Sử dụng ≥ 10.000 IU vitamin A (Retinol)/ngày ở phụ nữ có thai có thể gây ra dị dạng bào thai, do đó không nên sử dụng ≥ 10.000 IU/ngày ở phụ nữ trong 3 tháng đầu của thai kỳ hoặc phụ nữ nghi ngờ có thai (ngoại trừ những bệnh nhân bị thiếu vitamin A).

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không có.

TÁC DỤNG PHỤ

Các tác dụng phụ và tác dụng có hại sẽ xuất hiện khi dùng vitamin A liều cao dài ngày hay khi uống phải 1 liều rất cao vitamin A (xem phần điều trị ngộ độc và quá liều ở dưới).

Các tác dụng phụ khác: buồn nôn, nôn, có thể xảy ra, tuy nhiên hiếm gặp ($< 1/1.000$).

Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Thuốc này có thể làm giảm tác dụng của L-Dopa. Do đó, không nên sử dụng thuốc này đồng thời với chế phẩm chứa L-Dopa.

Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxine.

Vitamin E có thể có tác dụng đối kháng với vitamin K.

Sử dụng quá mức lượng dầu khoáng có thể làm giảm hấp thu vitamin E.

Neomycin, cholestyramine, paraffin lỏng có thể làm giảm hấp thu Vitamin A trong cơ thể. Các thuốc tránh thai đường uống làm tăng nồng độ của Vitamin A trong huyết tương.

QUÁ LIỀU

Ngộ độc mạn tính: Dùng vitamin A liều cao (≥ 25.000 IU/ngày) kéo dài có thể dẫn đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sút cân, nôn, rối loạn tiêu hóa, sốt, gan - lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô ròn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương và khớp. Ở trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính còn gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc các xương dài. Khi ngừng dùng vitamin A thì các triệu chứng cũng mất dần nhưng xương có thể ngừng phát triển do các đầu xương dài đã cốt hóa quá sớm.

Ngộ độc cấp: Uống vitamin A liều rất cao (khoảng 25.000 IU/kg) dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng và co giật, ỉa chảy... Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống từ 6 đến 24 giờ.

Phải ngừng dùng thuốc. Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ.

BẢO QUẢN: Trong hộp kín, nơi khô mát, dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

ĐÓNG GÓI: 10 viên/vi, 6 vi và 9 vi/hộp.

Sản xuất tại

CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA

Số 25, Đường số 8, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương